

ĐẠO VĂN VÀ TỰ ĐẠO VĂN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Hồng Hạnh¹, Đặng Thị Thuỳ¹, Mạc Vân Hải¹, Đỗ Thị Cẩm Vân¹
Email: hanhnhth@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/06/2025

Ngày phản biện đánh giá: 04/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1093

Tóm tắt: Đạo văn và tự đạo văn là những hành vi vi phạm liêm chính học thuật, gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nghiên cứu khoa học, uy tín cá nhân, tổ chức và vị thế học thuật quốc gia. Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận, khung pháp lý, thực trạng trong nước và quốc tế, đồng thời chỉ ra nguyên nhân và hệ quả của hiện tượng này. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp nhiều tầng, gắn với từng chủ thể tham gia nghiên cứu, nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng cơ chế kiểm soát minh bạch, và phát triển văn hóa học thuật trung thực. Điểm nhấn của nghiên cứu là việc trình bày các bảng phân loại hành vi vi phạm và ma trận giải pháp theo hướng khả thi, đo lường được và phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, hoàn thiện cơ chế quản lý và thúc đẩy hội nhập học thuật quốc tế.

Từ khóa: đạo văn, tự đạo văn, nghiên cứu khoa học, liêm chính học thuật

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khoa học và công nghệ ngày càng giữ vai trò then chốt cho sự phát triển quốc gia bền vững. Liêm chính học thuật (LCHT) được xem là nền tảng cốt lõi, đảm bảo tính trung thực, minh bạch trong nghiên cứu, qua đó củng cố uy tín và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, thực trạng vi phạm LCHT đang gia tăng, đặc biệt là đạo văn (ĐV) và tự đạo văn (TĐV). Đây là những hành vi không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu mà còn đe dọa uy tín khoa

học quốc gia. Bài viết này phân tích thực trạng, nguyên nhân và hệ quả, đồng thời đề xuất giải pháp phòng chống ĐV, TĐV trong nghiên cứu khoa học (NCKH).

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm và phân loại

Liêm chính học thuật được các tổ chức quốc tế như OECD, UNESCO và COPE xác định dựa trên các giá trị: trung thực, trách nhiệm, tôn trọng tri thức và minh bạch trong công bố. Đây là tiêu chí cốt lõi để bảo đảm uy tín khoa học và chất lượng nghiên cứu.

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

Theo Ủy ban Đạo đức Xuất bản (COPE, 2019), đạo văn là việc sử dụng ý tưởng, dữ liệu hoặc văn bản của người khác mà không trích dẫn hoặc ghi nhận đúng quy chuẩn. Fishman (2009) chỉ ra rằng ĐV bao gồm nhiều mức độ khác nhau: sao chép toàn văn, sao chép từng phần, ĐV ý tưởng, ĐV hình ảnh, dữ liệu, hoặc các hành vi được che giấu bằng việc diễn đạt lại câu chữ hoặc dịch thuật.

Tự đạo văn, theo Hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (APA, 2020) và Roig (2015) là hành vi tái sử dụng tác phẩm, dữ liệu, mô tả phương pháp hoặc cấu trúc bài viết của chính tác giả mà không trích dẫn đầy đủ, khiến người đọc hiểu nhầm đó là kết quả mới. Có bốn dạng TĐV chính: đăng lại toàn văn; tái sử dụng dữ liệu; tái sử dụng phương pháp; chia nhỏ công trình.

2.2. Khung lý thuyết giải thích hành vi

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy có thể lý giải hành vi ĐV từ nhiều góc độ. Fishman (2009) tiếp cận theo khung Tính LCHT, nhấn mạnh đạo đức và sự trung thực là chuẩn mực cốt lõi. Bretag (2016) tiếp cận từ Lý thuyết động cơ, cho rằng áp lực công bố, lợi ích cá nhân, cùng sự thiếu kỹ năng học thuật là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới vi phạm. Hai cách tiếp cận này cho phép xây dựng mô hình phân tích gồm: Trụ cột đạo đức (giá trị trung thực, minh bạch); Trụ cột hành vi, động cơ (áp lực thành tích, thiếu năng lực học thuật).

Từ cơ sở lý luận và các khung tham chiếu quốc tế nêu trên, nghiên cứu này tập trung vào việc: đối chiếu và làm rõ các dạng ĐV, TĐV đặc thù trong bối cảnh Việt Nam; xây dựng bảng phân loại hành vi và ma trận giải pháp nhiều tầng; và đề xuất các nhóm can thiệp có tính khả thi đối với

cơ sở đào tạo và các chủ thể liên quan. Đây là cơ sở để triển khai phân phương pháp và phân tích tiếp theo.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Tại Việt Nam, dù đã có quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ, Quy chế đào tạo và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), vẫn thiếu một khung chuẩn LCHT thống nhất toàn hệ thống, thiếu cơ sở dữ liệu chia sẻ để phát hiện vi phạm chéo. Do đó cần nghiên cứu một mô hình quản trị đa tầng và công cụ thực thi khả thi.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp từ COPE, ICMJE, Retraction Watch, IEEE, Bộ GD&ĐT và các công trình trong nước giai đoạn 2010-2024. Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu chuẩn quốc tế với bối cảnh Việt Nam. Tiêu chí phân tích gồm: dạng vi phạm; mức độ và tác động; nguyên nhân; giải pháp theo chủ thể.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Tình hình quốc tế

ĐV và TĐV là nguyên nhân gây rút bài phổ biến thứ hai trong công bố khoa học quốc tế. Theo báo cáo của COPE trong khoảng 500 trường hợp vi phạm đạo đức học thuật được xử lý, có đến 40% liên quan đến ĐV. Phân tích dữ liệu của Retraction Watch trong nhiều năm gần đây cho thấy tỉ lệ lớn các bài báo bị rút có nguyên nhân từ sao chép, tái sử dụng văn bản hoặc che giấu việc tái sử dụng dữ liệu. Theo nghiên cứu của IEEE (2021), khoảng 8% bài nộp hàng năm bị phát hiện có dấu hiệu TĐV.

Điểm đáng chú ý là cùng với sự phát triển của các công cụ AI tạo sinh, hình

thức ĐV ngày càng tinh vi. Nhiều tạp chí quốc tế ghi nhận sự gia tăng các bài nộp sử dụng công cụ viết tự động hoặc dịch máy mà không trích dẫn nguồn gốc, dẫn đến nguy cơ sai lệch tính mới và gian lận học thuật. Như vậy, tình hình quốc tế cho thấy ĐV không chỉ bắt nguồn từ thiếu hiểu biết, mà phản ánh sự va đập giữa áp lực công bố, công nghệ mới và lỗ hổng trong hệ thống giám sát.

4.2. Tình hình tại Việt Nam

Tại Việt Nam, vấn đề ĐV và TĐV trong NCKH xuất hiện ở nhiều cấp độ và ngày càng được quan tâm. Có thể phân tích qua các nhóm đối tượng và hệ thống công bố:

a. Trong sinh viên và học viên

Sinh viên (SV) và học viên sau đại học là nhóm đối tượng hay mắc phải các lỗi ĐV, phần lớn do thiếu kiến thức về chuẩn mực học thuật, kỹ năng trích dẫn hoặc do áp lực hoàn thành bài viết, luận văn đúng hạn. Một khảo sát gần đây cho thấy 38,2% SV chưa từng nghe đến khái niệm LCHT, trong khi hơn 52% thừa nhận đã từng ĐV ít nhất một lần (Nguyễn & Phạm, 2022). Các hình thức phổ biến bao gồm: sao chép nguyên văn mà không trích dẫn (36%), chắp vá từ nhiều nguồn (29%), và TĐV khi tái sử dụng bài đã nộp ở học phần khác (18%). Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ thiếu kỹ năng trích dẫn (63%), áp lực thời gian (54%) và thiếu hiểu biết về chế tài xử lý (42%). Những kết quả này cho thấy ĐV ở SV không đơn thuần do gian lận có chủ ý, mà còn phản ánh lỗ hổng trong đào tạo về LCHT và kỹ năng nghiên cứu.

Một nghiên cứu khác tại một trường đại học phía Nam (Đặng & Nguyễn, 2021) cho thấy 73% SV thừa nhận đã từng sao chép hoặc ĐV trong học tập; đồng thời, nhiều em xem nhẹ hoặc không nhận thức

đúng mức độ nghiêm trọng của hành vi này. Tương tự, khảo sát tại ĐH Duy Tân năm 2014 cho thấy đến 84% SV từng chép nội dung sách hoặc Internet mà không ghi nguồn, phần lớn do chưa biết cách trích dẫn và không nhớ tác giả (Nguyễn, 2015).

b. Trong đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu khoa học

Dù ít phổ biến hơn SV, nhưng ĐV trong giới giảng viên (GV), nhà nghiên cứu lại có tác động nghiêm trọng hơn, ảnh hưởng đến uy tín học thuật cá nhân, tổ chức và cả xếp hạng đại học quốc gia. Theo Bộ GD&ĐT (2022), trong giai đoạn 2017-2021 có 27 bài báo khoa học của các GV Việt Nam bị các tạp chí quốc tế uy tín rút lại vì lý do liên quan đến ĐV, đạo đức công bố hoặc trùng lặp nội dung.

Báo cáo từ Hội đồng Giáo sư Nhà nước (2021) cũng cảnh báo tình trạng tái sử dụng công bố ngày càng phổ biến ở ứng viên chức danh. Trong một số trường hợp, TĐV bị phát hiện dưới dạng trình bày lại nội dung đã công bố dưới hình thức mới, nhưng thực chất là tái sử dụng bảng biểu, phần phân tích dữ liệu, thậm chí kết luận, làm mất tính trung thực trong nghiên cứu.

c. Trong công bố quốc tế

Áp lực gia tăng số lượng công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tại các cơ sở giáo dục đại học đã dẫn đến tình trạng lạm dụng việc sử dụng lại dữ liệu đã công bố trước đó hoặc chia nhỏ công trình nhằm mục đích gia tăng số lượng bài báo. Một nghiên cứu nội bộ năm 2023 tại một trường đại học lớn ghi nhận 9% số bài báo quốc tế (18/200 bài) có mức độ trùng lặp nội dung trên 30% so với các công bố trước đó của chính tác giả mà không có chỉ dẫn hoặc trích dẫn phù hợp. Sự thiếu minh bạch này gây ra những hệ quả pháp lý và uy tín nghiêm trọng, điển hình là

trường hợp một tác giả Việt Nam bị tạp chí Journal of Asian Public Policy rút bài vào năm 2020 do hành vi tái sử dụng toàn bộ phần phân tích số liệu cũ mà không thực hiện khai báo học thuật theo quy định.

Nhìn chung, ĐV ở Việt Nam mang tính hệ thống: từ nhận thức chưa đầy đủ, thiếu kỹ năng, cho đến sự thiếu đồng bộ trong kiểm tra, giám sát. Dù nhiều trường đã áp dụng công cụ kiểm tra, nhưng việc sử dụng còn hình thức; chế tài còn thiếu nhất quán và văn hóa học thuật trung thực chưa trở thành chuẩn mực chung.

4.3. Nguyên nhân và hệ quả của đạo văn, tự đạo văn

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng ĐV và TĐV xuất phát từ nhiều cấp độ. Ở cá nhân, hạn chế về kiến thức, năng lực nghiên cứu, kỹ năng trích dẫn, thiếu nhận thức về mức độ nghiêm trọng của hành vi, cùng với áp lực công bố và thời hạn hoàn thành thường đẩy người nghiên cứu vào lựa chọn giải pháp thiếu chuẩn mực. Ở tổ chức, cơ quan quản lý, các quy định về LCHT chưa đầy đủ và chưa phổ biến rộng rãi; việc trang bị công cụ kiểm tra còn hạn chế; xử lý vi phạm chưa nghiêm minh; đồng thời thiếu chương trình đào tạo bài bản về đạo đức nghiên cứu và cơ chế đánh giá, xét duyệt đề tài, công bố chưa chặt chẽ. Từ môi trường xã hội và xuất bản, sự cạnh tranh gay gắt, sự tồn tại của tạp chí sẵn mồi và tình trạng xử lý vi phạm còn du di, thiếu khách quan, làm gia tăng nguy cơ ĐV.

Vi phạm liên chính ảnh hưởng uy tín cá nhân và tổ chức, làm giảm sút chất lượng đào tạo và xếp hạng quốc tế của các trường đại học. Ở tầm vĩ mô, nó gây nhiễu loạn dữ liệu khoa học và làm suy yếu năng lực cạnh tranh của nền khoa học quốc gia.

V. Giải pháp và khuyến nghị

5.1. Ở cấp Nhà nước

Cần xây dựng Khung chuẩn LCHT quốc gia nhằm thống nhất các quy định giữa các cơ sở giáo dục. Kèm đó là hướng dẫn sử dụng AI trong nghiên cứu, quy định rõ hành vi cấm, phải khai báo và mức độ cho phép. Đồng thời, việc kết nối dữ liệu giữa các trường đại học là cần thiết để phát hiện các trường hợp TĐV hoặc sao chép chéo giữa các cơ sở.

Dù vậy, việc triển khai chính sách quốc gia gặp thách thức do sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản hiện hành và hạn chế về nguồn lực để vận hành hệ thống liên kết dữ liệu. Một lộ trình 2-3 năm là khả thi để các cơ quan quản lý xây dựng tiêu chuẩn, phát triển hạ tầng kỹ thuật và đào tạo bộ phận chuyên trách.

5.2. Ở cấp cơ sở đào tạo và nghiên cứu

Ở bình diện quản trị, các trường đại học cần hình thành một hệ thống LCHT mang tính thể chế hoá. Trước hết, một bộ Quy tắc LCHT đồng bộ với chuẩn mực của COPE, ICMJE hay UNESCO cần được ban hành, làm nền tảng cho mọi hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Việc kiểm tra ĐV phải trở thành quy trình bắt buộc đối với khóa luận, luận văn, bài tập lớn và đề tài nghiên cứu. Cùng với đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu nội sinh sẽ giúp phát hiện hiệu quả tình trạng TĐV, vốn là dạng vi phạm phổ biến nhưng khó kiểm soát.

Việc triển khai những giải pháp này sẽ gặp khó khăn như: Phần mềm bản quyền có chi phí cao; nguồn nhân lực vận hành còn hạn chế; một bộ phận GV lo ngại quy trình kiểm soát mới sẽ ảnh hưởng đến tiến độ nghiên cứu. Tuy vậy, tính khả thi vẫn cao nếu các trường triển khai theo lộ trình: giai đoạn 6-12 tháng để hoàn thiện

quy chế và tập huấn nhân sự, và 12-18 tháng để xây dựng cơ sở dữ liệu nội sinh và đồng bộ hóa hệ thống kiểm soát.

AI hỗ trợ mạnh mẽ cấp độ quản trị trường học. Các mô hình AI có thể phân tích dấu hiệu tái sử dụng văn bản, đối chiếu ý tưởng, phát hiện văn bản dịch máy hoặc đoạn văn được tạo bằng AI. Trong nhiều trường hợp, AI có khả năng phát hiện ĐV ở mức ý tưởng, dạng vi phạm mà các phần mềm truyền thống khó nhận diện.

5.3. Ở cấp cá nhân nhà nghiên cứu

Việc nâng cao nhận thức và năng lực học thuật của SV, học viên và GV vẫn là trụ cột nền tảng của phòng chống ĐV, TĐV. Các cơ sở giáo dục cần tổ chức các chương trình đào tạo bắt buộc về LCHT, kỹ năng trích dẫn, kỹ năng viết lại câu đúng chuẩn, cũng như cách sử dụng các công cụ kiểm tra tính tương đồng. Một bộ học liệu chuẩn hoá, được xây dựng dựa trên các tình huống điển hình về ĐV và TĐV, sẽ giúp người học dễ dàng nhận diện sai phạm và biết cách xử lý học thuật đúng quy chuẩn.

Tuy nhiên, ở cấp độ cá nhân tồn tại không ít rào cản. Nhiều SV vẫn coi nhẹ việc trích dẫn hoặc xem ĐV là vấn đề không đáng lo ngại nếu không bị phát hiện. GV, dù có kinh nghiệm nghiên cứu, lại thường thiếu thời gian tham gia các khóa tập huấn bắt buộc. Bên cạnh đó, thói quen tái sử dụng bài cũ đã ăn sâu vào cách học của một bộ phận SV.

Trong bối cảnh đó, trí tuệ nhân tạo đóng vai trò hỗ trợ quan trọng. Các công cụ như Grammarly AI, Scite Assistant hay Turnitin Draft Coach có thể hướng dẫn người học cách viết lại câu văn hợp chuẩn, phát hiện phần nội dung vay mượn không trích dẫn, hoặc đề xuất nguồn tài liệu mở phù hợp. AI, nếu được sử dụng đúng, có thể trở thành người trợ giảng học thuật, giúp cải thiện kỹ năng học thuật thay vì làm thay tư duy của người viết.

5.4. Khung giải pháp nhiều tầng

Để đảm bảo tính khả thi, bài viết đề xuất khung giải pháp nhiều tầng, thể hiện qua hai bảng minh họa sau:

Bảng 1. Phân loại hành vi và định hướng phòng ngừa/xử lý

Hành vi	Dấu hiệu nhận biết	Ví dụ	Phòng ngừa, xử lý
Sao chép nguyên văn	Đoạn trùng khớp dài, thiếu trích dẫn	Chép 1-2 đoạn từ bài khác	Đào tạo trích dẫn; dùng công cụ; sửa, từ chối
Chắp vá	Đôi từ nhưng giữ cấu trúc nguồn	Ghép nhiều nguồn, đồng nghĩa hóa	Soát thủ công; yêu cầu trích dẫn đúng
ĐV ý tưởng, cấu trúc	Khung mục lục/mô hình giống hệt	Sao chép cấu trúc phân tích	Ghi nhận nguồn; xử lý theo mức độ
Dịch ĐV	Bản dịch bám sát không ghi nguồn	Dịch bài rồi coi như của mình	Truy vết đa ngôn ngữ; xử lý như sao chép
TĐV - đăng trùng lặp	Trùng >30-40% nội dung đã công bố	Xuất bản lại bài cũ	Rút, đính chính; trích dẫn chéo
Chia nhỏ công trình	Tách một nghiên cứu thành nhiều bài	Chia nhỏ dữ liệu	Hợp nhất, giải trình tính mới
Tái sử dụng dữ liệu không khai báo	Bảng, biểu lặp lại	Dùng lại số liệu cũ	Minh bạch, chú thích nguồn gốc

Hành vi	Dấu hiệu nhận biết	Ví dụ	Phòng ngừa, xử lý
Trích dẫn sai, nguy tạo	Nguồn không tồn tại, không liên quan	Fabricated citation	Loại bỏ; kỷ luật nếu cố ý
Sử dụng AI không minh bạch	Trích dẫn ảo, văn phong lệch	Sinh tự động tài liệu tham khảo	Tuyên bố sử dụng AI; xác minh nguồn

Bảng 2. Ma trận giải pháp theo chủ thể - hành động - công cụ - KPI

Chủ thể	Hành động	Công cụ	Chỉ số theo dõi	Thời hạn	Luận cứ
Cấp nhà nước	Khung LCHT quốc gia; hướng dẫn AI	Văn bản hướng dẫn; CSDL quốc gia	Số trường áp dụng; số vụ xử lý minh bạch	12-18 tháng	Chu kỳ xây dựng, phê duyệt, ban hành quy chế của trường theo Luật Giáo dục đại học; cần thời gian đào tạo lại đội ngũ và chuẩn hóa quy trình.
Cơ sở giáo dục	Quy chế LCHT; kiểm tra bắt buộc	Quy trình 7 bước; iThenticate/ Crossref CSDL nội sinh	Tỷ lệ bài qua kiểm tra; số buổi tập huấn/năm	6-12 tháng	Thời gian cập nhật chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng trích dẫn, triển khai phần mềm mới.
Cá nhân	Chuẩn hóa trích dẫn, quản lý tài liệu, học phần LCHT	Zotero/Mendeley; chính sách AI, Học liệu mở; tình huống	Tỷ lệ lỗi trích dẫn; Điểm năng lực trích dẫn; số vụ giảm	Liên tục, theo học kỳ	Kiểm tra, giám sát, truyền thông, Chu kỳ xét điểm rèn luyện, báo cáo học tập, kiểm tra chuyên đề.

Bảng 1 giúp hệ thống hóa rõ ràng các dạng vi phạm ĐV và TĐV, qua đó hỗ trợ GV, SV và cơ quan quản lý dễ dàng nhận diện, phòng ngừa và xử lý. Bảng này không chỉ mang tính minh họa mà còn đóng vai trò như công cụ hướng dẫn thực hành. Trong khi đó, Bảng 2 tạo ra một ma trận giải pháp cụ thể, gắn trách nhiệm cho từng chủ thể, kèm theo công cụ và chỉ số đánh giá. Ưu điểm nổi bật là tính khả thi, minh bạch và khả năng đo lường, giúp các bên liên quan có cơ sở triển khai đồng bộ và kiểm soát hiệu quả hơn tình trạng vi phạm LCHT.

5.5. Kết luận và khuyến nghị

ĐV và TĐV trong NCKH là thách thức nghiêm trọng, mang tính hệ thống và có tác động sâu rộng đến chất lượng đào tạo, uy tín khoa học và năng lực cạnh tranh

của quốc gia. Phân tích cho thấy khoảng cách đáng kể giữa chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam, từ nhận thức tới cơ chế quản trị.

Bài viết đóng góp một khung tiếp cận tổng thể, gồm: Hệ thống hóa lý thuyết ĐV - TĐV trong bối cảnh công nghệ số và AI; Phân tích thực trạng đa chiều quốc tế và Việt Nam; Đề xuất mô hình giải pháp đa tầng, khả thi và có tính đo lường.

Để xây dựng môi trường nghiên cứu minh bạch, Việt Nam cần triển khai đồng bộ: chuẩn hóa chính sách, nâng cao năng lực học thuật, đầu tư hệ thống phát hiện vi phạm, đồng thời thúc đẩy văn hóa trung thực khoa học trong toàn hệ thống giáo dục - nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- [1]. American Psychological Association. (2020). *Publication manual of the American Psychological Association* (7th ed.).
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Báo cáo về tình hình liêm chính học thuật và đạo văn trong nghiên cứu khoa học giai đoạn 2017-2021*. MOET.
- [3]. Bretag, T. (2016). Challenges in addressing plagiarism in education. *PLoS Medicine*, 13(12), Article e1002183. <https://journals.plos.org/plosmedicine/article?id=10.1371/journal.pmed.1001574>.
- [4]. Committee on Publication Ethics (COPE). (2019). *Annual report 2019*. COPE. <https://publicationethics.org>
- [5]. Đặng, H. V., & Nguyễn, T. L. (2021). Đánh giá liêm chính học thuật của SV qua nhận thức của sinh viên về môi trường học thuật và hành vi không trung thực học thuật. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 16(2), 46-63. 10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.16.1.1389.2021.
- [6]. Fishman, T. (2009, September 28-30). *We know it when we see it is not good enough: Toward a standard definition of plagiarism that transcends theft, fraud, and copyright* <https://hdl.handle.net/10779/uow.27825690>.
- [7]. Hội đồng Giáo sư Nhà nước. (2021). *Báo cáo kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2021*. Hà Nội.
- [8]. IEEE. (2021). *Plagiarism and self-plagiarism: Policies and guidelines*. <https://www.comsoc.org/publications/magazines/policy-self-plagiarism>.
- [9]. International Committee of Medical Journal Editors (ICMJE). (2019). *Recommendations for the conduct, reporting, editing, and publication of scholarly work in medical journals*. https://www.icmje.org/recommendations/archives/2019_dec_urm.pdf.
- [10]. Nguyễn, D. (2015). Sinh viên vô tư đạo văn. *Vnexpress*. <https://vnexpress.net/sinh-vien-vo-tu-dao-van-3225930.html>.
- [11]. Nguyễn, T. L., & Phạm, H. V. (2022). Nhận thức và hành vi vi phạm liêm chính học thuật của sinh viên tại một trường đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 245, 54-68.
- [12]. Roig, M. (2015). *Avoiding plagiarism, self-plagiarism, and other questionable writing practices: A guide to ethical writing*. https://graduateschool.vt.edu/content/dam/graduateschool_vt_edu/graduate-honor-system/ghsplagiarism.pdf.

PLAGIARISM AND SELF-PLAGIARISM IN SCIENTIFIC RESEARCH: CURRENT STATUS AND SOLUTIONS

Nguyen Thi Hong Hanh¹, Dang Thi Thuy¹, Mac Van Hai¹, Do Thi Cam Van¹

***Abstract:** Plagiarism and self-plagiarism are violations of academic integrity that negatively impact the quality of scientific research, the reputation of individuals and institutions, as well as the academic standing of a nation. This article analyzes the theoretical foundations, legal frameworks, and current situations both domestically and internationally, while identifying the underlying causes and consequences of these practices. On this basis, a multi-tiered system of solutions is proposed, aligned with different research stakeholders, in order to raise awareness, establish transparent monitoring mechanisms, and foster a culture of academic honesty. A notable contribution of the study is the introduction of classification tables of misconduct types and a solution matrix designed to be feasible, measurable, and adaptable to the Vietnamese context. The findings provide scientific evidence to support policy formulation, improve governance mechanisms, and promote international academic integration.*

***Keywords:** plagiarism, self-plagiarism, scientific research, academic integrity*

¹ Hanoi Open University